

Án số: 36/2018/HS-ST
Ngày 15 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Phương Hoa - Phó Ban tổ chức thành ủy Thái Bình;

Bà Phí Thị Thanh Huyền - Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Thái Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị X, sinh năm 1956; chưa có vợ và con; Tiền án: Bản án số 80/2014/HSST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2014; Bản án số 209/2015/HSST ngày 09/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2015 (trị giá tài sản dưới 02 triệu đồng); Bản án số 137/2016/HSST ngày 18/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2016; Tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 112/2008/HSST ngày 15/9/2008 của Tòa án nhân dân

thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản dưới 02 triệu đồng); bị tạm giữ, tạm giam: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”; tại ngoại có mặt tại phiên tòa

2. Người bị hại: Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1998, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 10/11/2017, Nguyễn Thanh T đi đến khu vực cầu Đen, thôn Phúc Thượng, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, mục đích nếu có người sơ hở tài sản thì trộm cắp. T đi bộ vào dãy nhà trọ của ông Hoàng Văn B, sinh năm 1971 trú tại: Thôn P, xã V, thành phố Thái Bình, thì phát hiện thấy cửa phòng trọ của chị Nguyễn Ngọc B (là sinh viên) không khóa, T mở cửa thì nhìn thấy trên mặt bàn cạnh cửa ra vào có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu HUAWEI Y5 II màu trắng, T lại gần cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần phía sau bên trái đang mặc rồi đi ra ngoài, khi T vừa đi ra đến cổng của dãy nhà trọ thì gặp chị B, chị B vào phòng phát hiện điện thoại di động bị mất nên đuổi theo T và hô “trộm”, T bỏ chạy về phía cầu Đen, rẽ trái đi theo đường bờ sông được khoảng 500m thì bị quần chúng nhân dân đuổi theo đánh và bắt giữ T. T cùng vật chứng được đưa về trụ sở Công an xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để làm việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 59/KLĐG ngày 16/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu HUAWEI Y5 II, màu trắng, trị giá hiện tại là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 31/CT-VKSTP ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, không có chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.
- Về vật chứng: Không phải giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Thanh T xác định cáo trạng truy tố bị cáo về “Tội trộm cắp tài sản” là đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa về hành vi phạm tội của mình, cũng như không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thanh T. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với:

[2] “Cáo trạng” số 31/CT-VKSTP ngày 05 tháng 02 năm 2018 đã truy tố;

Đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như:

[3]. Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại: Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1998 (bút lục từ số 73 đến số 80);

[4]. Biên bản sự việc do Công an xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 10/11/2017 (bút lục số 19);

[5]. Biên bản quản lý vật chứng do Công an xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập ngày 10/11/2017 (bút lục số 21);

[6]. Bản Kết luận định giá tài sản số 59/KLĐG ngày 16/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (bút lục số 28);

[7]. Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: Anh Lê Anh T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (bút lục từ số 81 đến số 84).

[8]. Cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 10/11/2017, tại phòng thuê trọ của chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1998, ở thôn P, xã V, thành phố T (phòng thuê của ông Hoàng Văn B, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố Thái Bình), Nguyễn Thanh T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu HUAWEI Y5 II, màu trắng trị giá 1.100.000đồng của chị Nguyễn Ngọc B. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của Nguyễn Thanh T đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 138. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;

...”

Xét tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động với lỗi cố ý ngay giữa ban ngày. Cho thấy hành vi của bị cáo là liều lĩnh, táo bạo tạo lên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có 03 tiền án tại: bản án số 80/2014/HSST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2014; Bản án số 209/2015/HSST ngày 09/12/2015 của Tòa án nhân dân thành

phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2015 (trị giá tài sản dưới 02 triệu đồng); Bản án số 137/2016/HSST ngày 18/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2016; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 112/2008/HSST ngày 15/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản dưới 02 triệu đồng), đều về tội Trộm cắp tài sản và chưa được xóa án tích. Tài sản bị cáo trộm cắp ngày 10/11/2017 có giá trị dưới 2.000.000 đồng cho nên các tiền án nêu trên được xác định là dấu hiệu cấu thành tội phạm cơ bản, vì vậy xét xử lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2008 bị Tòa án áp dụng hình phạt tù về cùng tội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu HUAWEI Y5 II, màu trắng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Ngọc B nên ngày 06/12/2017 cơ quan Công an đã trả chị B, chị B đã nhận lại tài sản trong tình trạng còn nguyên vẹn và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự, vì vậy chấp nhận và không phải giải quyết tại bản án này.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh tuyên bố bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận; về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù là cao nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm ... án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) tháng tù thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết tại bản án này.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/3/2018. Vắng mặt người bị hại báo cho biết có 15 kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân

